

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN**

**ĐỀ ÁN**

**NHẬP CÁC XÃ: MINH DÂN, MINH CHÂU  
VÀO THỊ TRẤN TRIỆU SƠN, HUYỆN TRIỆU SƠN**

**Triệu Sơn, tháng 5 năm 2019**

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Phần I</b>	
<b>CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT</b>	
<b>I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ</b>	1
<b>II. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT</b>	2
<b>Phần II</b>	
<b>HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ THUỘC HUYỆN TRIỆU SƠN</b>	
<b>I. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP, NHẬP, CHIA, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH</b>	4
<b>II. HIỆN TRẠNG HUYỆN TRIỆU SƠN VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>	4
1. Hiện trạng huyện Triệu Sơn	5
2. Hiện trạng đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Triệu Sơn	7
<b>III. HIỆN TRẠNG THỊ TRẤN TRIỆU SƠN VÀ CÁC XÃ: MINH DÂN, MINH CHÂU</b>	
1. Lịch sử hình thành và hiện trạng thị trấn Triệu Sơn	8
2. Lịch sử hình thành và hiện trạng xã Minh Dân (đơn vị có 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số chưa đạt 50% theo quy định)	15
3. Lịch sử hình thành và hiện trạng xã Minh Châu	21
<b>Phần III</b>	
<b>PHƯƠNG ÁN NHẬP CÁC XÃ: MINH DÂN, MINH CHÂU VÀO THỊ TRẤN TRIỆU SƠN</b>	
1. Nội dung phương án nhập các xã: Minh Dân, Minh Châu vào thị trấn Triệu Sơn	27
2. Kết quả sau khi nhập các xã: Minh Dân, Minh Châu vào thị trấn Triệu Sơn	29
<b>Phần IV</b>	
<b>ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b>	

<b>I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG</b>	
1. Tác động về tổ chức bộ máy, quản lý nhà nước	29
2. Tác động đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	30
3. Tác động đến phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh	30
4. Tác động đến văn hóa, xã hội và cuộc sống nhân dân	31
5. Tác động đến phát triển đô thị	32
6. Tác động đến vệ sinh môi trường	32
7. Tác động về quốc phòng - an ninh.	33
8. Tác động về bảo đảm trật tự, an toàn xã hội	33
<b>II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN</b>	
1. Giải pháp về tổ chức bộ máy hệ thống chính trị	33
2. Giải pháp về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách	35
3. Giải pháp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức	37
4. Giải pháp về sử dụng cơ sở vật chất, công sở, trụ sở làm việc	38
5. Giải pháp chuyển đổi một số giấy tờ cơ bản của công dân	38
6. Giải pháp về phát triển đô thị, bảo vệ môi trường	39
7. Giải pháp về ngân sách, vốn đầu tư	39
8. Kế hoạch, lộ trình thực hiện nhập các xã: Minh Dân, Minh Châu vào thị trấn Triệu Sơn	39
<b>Phần V</b>	
<b>KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT</b>	40

*Triệu Sơn, ngày tháng năm 2019*

**ĐỀ ÁN**

**Nhập các xã: Minh Dân, Minh Châu vào thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn**

**Phần I**

**CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT**

**I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ**

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;
2. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;
3. Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã;
4. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;
5. Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị;
6. Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;
7. Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 – 2021;
8. Chỉ thị số 20-CT/TU ngày 15/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị.
9. Quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030;

10. Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND tỉnh phê duyệt chương trình phát triển đô thị tỉnh đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030;

11. Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Triệu Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

12. Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019;

13. Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác năm 2019 của UBND tỉnh;

14. Phương án tổng thể sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021 đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua tháng 4/2019.

## II. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT

1. Thị trấn Triệu Sơn là trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế, dịch vụ, thương mại... của huyện Triệu Sơn; thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần địa giới hành chính các xã: Minh Sơn, Minh Dân, Minh Châu theo theo Quyết định số 99-HĐBT ngày 03/6/1988 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ); có diện tích tự nhiên 1,80 km<sup>2</sup> (180,0 ha), dân số 7.973 người; địa giới hành chính phía Bắc giáp các xã: Minh Sơn, Dân Lục; phía Nam giáp các xã: Minh Sơn, Minh Châu; phía Đông giáp các xã: Minh Châu, Minh Dân; phía Tây giáp xã Minh Sơn.

Trong những năm qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đầu tư của tỉnh, của huyện, sự nỗ lực cố gắng cấp ủy, chính quyền và nhân dân nên thị trấn Triệu Sơn đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo tiền đề cho sự phát triển toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; đời sống vật chất tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao, kết cấu hạ tầng kỹ thuật được hoàn thiện, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững. Năm 2018, tốc độ tăng giá trị sản xuất trên địa bàn đạt 13,5%; tổng giá trị sản xuất đạt 340,0 tỷ đồng, trong đó: ngành thương mại - dịch vụ đạt 176,8 tỷ đồng chiếm 52,0%, công nghiệp - xây dựng đạt 136,0 tỷ đồng 40,0%, nông nghiệp đạt 27,0 tỷ đồng chiếm 8,0%; cân đối được thu - chi ngân sách (thu ngân sách đạt 14,81 tỷ đồng, chi ngân sách 14,73 tỷ đồng); thu nhập bình quân đầu người đạt 42,5 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,34%; tỷ lệ gia đình được công nhận danh hiệu văn hóa đạt 85,0%; cơ quan, thôn, tổ dân phố đạt

đánh hiệu văn hóa đạt 80,0%; hoàn thành phổ cập tiểu học, trung học cơ sở; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 1,33%; trẻ dưới 06 tuổi được cấp thẻ khám chữa bệnh đạt 100%; người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 87%. Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, trong thời gian qua, huyện Triệu Sơn cũng đã tập trung huy động, kêu gọi thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công trình tiến tới đồng bộ; hệ thống giao thông cơ bản được rải nhựa và bê tông hóa; tất cả các hộ gia đình đều được sử dụng điện lưới; các tuyến đường chính được chiếu sáng công cộng; các hộ dân cơ bản được cấp nước sạch; phần lớn rác thải được thu gom và xử lý hợp vệ sinh.

Tuy nhiên, do thành lập đã lâu với chức năng ban đầu là trung tâm hành chính - chính trị của huyện Triệu Sơn, có diện tích tự nhiên nhỏ, mới đạt 12,85% tiêu chuẩn theo quy định<sup>1</sup>, nên quỹ đất để bố trí cho cải tạo, chỉnh trang, phát triển đô thị, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng công trình công cộng, khu dân cư mới, giao thông, trung tâm thương mại, dịch vụ, thể dục, thể thao... không còn phù hợp với xu hướng phát triển.

Từ thực tế đó, UBND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng mở rộng thị trấn Triệu Sơn đến năm 2030, gồm toàn bộ địa giới hành chính của thị trấn Triệu Sơn và các xã: Minh Dân, Minh Châu (Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 và Quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 của UBND tỉnh).

2. Các xã: Minh Dân, Minh Châu là địa phương giáp ranh, chịu tác động trực tiếp của quá trình đô thị hóa đã góp phần làm thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống người dân, hệ thống hạ tầng kỹ thuật từng bước được hoàn thiện theo hướng đô thị, hiện đại. Vì vậy, việc nhập các xã: Minh Dân, Minh Châu vào thị trấn Triệu Sơn là cần thiết để tổ chức chính quyền đô thị thay thế cho chính quyền nông thôn, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn; phù hợp với quy hoạch hệ thống đô thị, góp phần tăng tỷ lệ đô thị hóa của huyện và của tỉnh. Đồng thời, do chia ra từ các xã trong giai đoạn trước đây nên thị trấn Triệu Sơn và các xã: Minh Dân, Minh Châu có chung lịch sử, truyền thống; không có sự khác biệt về dân tộc, phong tục tập quán, văn hóa; hệ thống hạ tầng giao thông, điện... của thị trấn kết nối đồng bộ với các xã sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt, sản xuất, học tập, khám chữa bệnh, giao dịch hành chính, cũng như quản lý của chính quyền đô thị. Về giao thông, Quốc lộ 47C đi qua trung tâm thị trấn Triệu Sơn và xã Minh Châu khoảng 3 km, Tỉnh lộ

---

<sup>1</sup> Tiêu chuẩn đơn vị hành chính theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn và phân loại đơn vị hành chính.

514 đi qua trung tâm thị trấn Triệu Sơn và xã Minh Dân khoảng 4 km, điều đó cho thấy, giao thông cũng là nơi kết nối giữa hai xã Minh Dân, Minh Châu và thị trấn Triệu Sơn.

Mặt khác, hiện nay xã Minh Dân có diện tích tự nhiên 3,21 km<sup>2</sup> đạt 10,68% và dân số 3.744 đạt 46,80%, chưa đảm bảo 50% cả hai tiêu chuẩn; xã Minh Châu có diện tích tự nhiên 3,49 km<sup>2</sup> đạt 11,63% và dân số 5.113 đạt 63,91%. Có thể thấy, từ thực trạng quy mô đơn vị hành chính quá nhỏ ở các xã hiện nay đã gây ra nhiều khó khăn, cản trở trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, phân tán nguồn lực địa phương, tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị ở địa phương lớn, ngân sách nhà nước phải chi trả để đảm bảo cho hoạt động của bộ máy, xây dựng trụ sở, mua sắm mới trang thiết bị làm việc. Vì vậy, sắp xếp các xã: Minh Dân, Minh Châu vào thị trấn Triệu Sơn là yêu cầu để góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội, hiệu quả, hiệu lực hoạt động hệ thống chính trị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị.

## **Phần II**

### **HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ THUỘC HUYỆN TRIỆU SƠN**

#### **I. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP, NHẬP, CHIA, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH**

Triệu Sơn là huyện đồng bằng tiếp nối với miền núi của tỉnh Thanh Hóa, cách thành phố Thanh Hóa khoảng 20 km về phía Tây; vị trí địa lý từ 19<sup>0</sup>42' - 19<sup>0</sup>52' vĩ độ Bắc và từ 105<sup>0</sup>34' - 105<sup>0</sup>42' kinh độ Đông; phía Bắc giáp các huyện: Thọ Xuân, Thiệu Hóa; phía Nam giáp các huyện: Như Thanh, Nông Cống; phía Đông giáp huyện Đông Sơn; phía Tây giáp huyện Thường Xuân.

Huyện Triệu Sơn được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần địa giới hành chính của huyện Thọ Xuân (13 xã phía Nam) và huyện Nông Cống (20 xã phía Bắc) theo Quyết định số 117-CP ngày 16/12/1964 của Chính phủ. Tháng 01/1987, thành lập xã Triệu Thành; tháng 6/1988, thành lập thị trấn Triệu Sơn; tháng 11/1994, thành lập xã Bình Sơn. Hiện tại, huyện Triệu Sơn có 36 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 35 xã và 01 thị trấn.

#### **II. HIỆN TRẠNG HUYỆN TRIỆU SƠN VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

## **1. Hiện trạng huyện Triệu Sơn**

1.1. Diện tích tự nhiên 290,05 km<sup>2</sup>.

1.2. Dân số 229.414 người (gồm ba dân tộc: Kinh, Mường, Thái).

1.3. Phát triển kinh tế - xã hội.

Trong những năm gần đây, tình hình kinh tế - xã hội của huyện Triệu Sơn có bước phát triển tích cực; nhiều chỉ tiêu tăng khá, đạt và vượt kế hoạch; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng cao so với dự toán được giao; môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện; phát triển doanh nghiệp có nhiều khởi sắc; hoạt động du lịch diễn ra sôi động; chính sách tái cơ cấu nông nghiệp tiếp tục có kết quả tích cực; năng suất, sản lượng, chất lượng, giá trị và hiệu quả kinh tế tăng; văn hóa – xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; an sinh xã hội được chăm lo; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh được giữ vững; hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc cảnh quan có nhiều thay đổi; các dự án đã và đang được đầu tư đã góp phần không nhỏ cho quá trình hình thành và phát triển đô thị, nhất là ở khu vực trung tâm huyện lỵ. Cụ thể một số chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 của huyện Triệu Sơn như sau:

### **1.3.1. Chỉ tiêu về kinh tế:**

- Tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất trên địa bàn: 15,28%.
- Tổng giá trị sản xuất: 18.035,8 tỷ đồng:
  - + Nông nghiệp: 3.156,3 tỷ đồng;
  - + Công nghiệp, xây dựng: 8.530,9 tỷ đồng;
  - + Dịch vụ, thương mại: 6.348,6 tỷ đồng.
- Cơ cấu tổng giá trị các ngành sản xuất:
  - + Nông nghiệp: 17,5%;
  - + Công nghiệp, xây dựng: 47,3%;
  - + Dịch vụ, thương mại: 35,2%.
- Vốn đầu tư phát triển: 1.887 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân đầu người: 31,7 triệu đồng/người/năm.
- Thu ngân sách: 1.447 tỷ đồng.
- Chi ngân sách: 1.369,6 tỷ đồng.
- Số doanh nghiệp (đăng ký kinh doanh): 479 doanh nghiệp.



- Số hộ kinh doanh, dịch vụ: 3.600 hộ.

- Chỉ tiêu hộ nghèo:

+ Số hộ nghèo: 3.432 hộ;

+ Tỷ lệ hộ nghèo: 5,75%.

1.3.2. Chỉ tiêu xã hội:

- Giáo dục:

+ Số trường học: 111 trường;

+ Số trường đạt chuẩn quốc gia: 80 trường;

+ Số học sinh: 43.088 học sinh;

+ Tỷ lệ phổ cập Tiểu học: 100%;

+ Tỷ lệ phổ cập Trung học cơ sở: 100%;

+ Tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp THCS: 99,5%;

+ Tỷ lệ trẻ đến trường đúng tuổi: 100%.

- Dân số - y tế:

+ Số cơ sở y tế trên địa bàn: 38 cơ sở;

+ Số giường bệnh: 420 giường;

+ Số bác sỹ: 95 bác sỹ;

+ Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 0,54%;

+ Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng: 14%;

+ Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 80%.

- Văn hóa - xã hội:

+ Số nhà văn hóa - khu thể thao: 254 nhà văn hóa;

+ Tỷ lệ khai trương làng, cơ quan, đơn vị văn hóa: 100%;

+ Tỷ lệ thôn, cơ quan đạt danh hiệu văn hóa: 100%;

+ Tỷ lệ gia đình văn hóa: 89%;

+ Số lao động tạo việc làm trong năm: 3.560 lao động;

+ Số lao động đã qua đào tạo nghề trong năm: 2.530 lao động.

1.3.3. Chỉ tiêu cơ sở hạ tầng kỹ thuật:

- Nhà ở:

+ Tổng diện tích sàn nhà ở: 6.558.630 m<sup>2</sup>;

+ Bình quân diện tích sàn nhà trên người dân: 32,5 m<sup>2</sup>/người;

+ Tỷ lệ nhà ở kiên cố: 68,5%.

- Công trình thương mại, dịch vụ (chợ, siêu thị): 17 công trình.

- Giao thông:

+ Số km đường giao thông: 1.955 km;

+ Diện tích đất giao thông: 1.947.260.000 m<sup>2</sup>;

+ Tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa: 93,5%;

+ Số lượng phương tiện vận tải công cộng: 112 phương tiện;

+ Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng: 63,3%.

- Cấp điện và chiếu sáng công cộng:

+ Tổng công suất cấp điện: 51.258.216 kw;

+ Chi tiêu cấp điện sinh hoạt: 254 kw/người/năm;

+ Tỷ lệ đường chính được chiếu sáng: 68,6%;

+ Tỷ lệ hộ gia đình dùng điện: 99,8%.

- Cấp nước:

+ Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt : 126 lít/người/ngày đêm;

+ Tỷ lệ hộ được dùng nước sạch, hợp vệ sinh: 94,55%.

- Hệ thống viễn thông:

+ Bình quân máy điện thoại/100 dân: 50,1 máy;

+ Số thuê bao internet: 6.324 thuê bao.

- Hệ thống thoát nước được bê tông hóa: 937 km.

- Vệ sinh môi trường:

+ Tổng lượng chất thải sinh hoạt và công nghiệp: 335.000 kg/ngày đêm;

+ Tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý hợp vệ sinh: 80%.

## **2. Hiện trạng đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Triệu Sơn**

2.1. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã: 36 đơn vị, gồm 35 xã, 1 thị trấn.

(Phụ lục số 01: Hiện trạng diện tích tự nhiên, dân số các xã, thị trấn)

2.2. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã đạt cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số: 0 đơn vị.

2.3. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số theo quy định: 0 đơn vị, trong đó:

2.3.1. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã có 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số đều đạt từ 50% trở lên: 3 xã.

(Phụ lục số 02: Đơn vị hành chính cấp xã có 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số đều đạt từ 50% trở lên)

2.3.2. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã có 1 tiêu chuẩn chưa đạt 50%, tiêu chuẩn còn lại đạt từ 50% trở lên: 32 đơn vị, gồm: 31 xã, 1 thị trấn, cụ thể:

- Chưa đạt 50% tiêu chuẩn diện tích: 32 đơn vị, gồm: 31 xã, 1 thị trấn;
- Chưa đạt 50% tiêu chuẩn quy mô dân số: 1 xã (Minh Dân).

(Phụ lục số 03: Đơn vị hành chính cấp xã có 1 tiêu chuẩn chưa đạt 50%, tiêu chuẩn còn lại đạt từ 50% trở lên)

2.3.3. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã có 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số chưa đạt 50% theo quy định: 01 xã (Minh Dân).

(Phụ lục số 04: Đơn vị hành chính cấp xã có 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số chưa đạt 50%)

### **III. HIỆN TRẠNG THỊ TRẤN TRIỆU SON VÀ CÁC XÃ: MINH DÂN, MINH CHÂU**

#### **1. Lịch sử hình thành và hiện trạng thị trấn Triệu Sơn**

##### **1.1. Lịch sử hình thành.**

Địa bàn thị trấn Triệu Sơn ngày nay đã có lịch sử lâu đời. Đầu thế kỷ XIX thuộc xã Cỏ Mọc, tổng Lai Triều. Sau Cách mạng tháng 8/1945 thuộc xã Minh Đức, sau đó thuộc xã Minh Nông, huyện Nông Cống. Tháng 10/1953, sau khi chia xã Minh Nông, khu vực này thuộc 03 xã: Minh Sơn, Minh Dân, Minh Châu của huyện Nông Cống, sau đó là huyện Triệu Sơn. Tháng 6/1988, thị trấn Triệu Sơn được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần địa giới hành chính 03 xã: Minh Sơn, Minh Dân, Minh Châu theo Quyết định số 99-HĐBT ngày 03/6/1988 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

## 1.2. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên.

### 1.2.1. Vị trí địa lý:

Thị trấn Triệu Sơn cách thành phố Thanh Hóa khoảng 20 km về phía Tây, có vị trí địa lý (tọa độ trung tâm): 19°49'19" vĩ độ Bắc, 105°36'08" kinh độ Đông; địa giới hành chính phía Bắc giáp các xã: Minh Sơn, Dân Lỵ; phía Nam giáp các xã: Minh Sơn, Minh Châu; phía Đông giáp các xã: Minh Châu, Minh Dân; phía Tây giáp xã Minh Sơn. Thuộc khu vực trung tâm hình học của huyện Triệu Sơn, Quốc lộ 47c, Tỉnh lộ 514 chạy qua, thị trấn Triệu Sơn có nhiều điều kiện giao thương, phát triển kinh tế - xã hội, trở thành trung tâm, động lực phát triển của huyện Triệu Sơn.

### 1.2.2. Điều kiện tự nhiên:

Thị trấn Triệu Sơn thuộc vùng đồng bằng của huyện Triệu Sơn; độ cao trung bình 10 m so với mặt nước biển; thuộc tiểu vùng khí hậu đồng bằng, nhiệt độ trung bình từ 24°C, tổng nhiệt độ cả năm 8.300°C – 8.300°C; lượng mưa trung bình từ 1.800 – 1.900 mm/năm, tập trung chủ yếu vào các tháng: 5, 6, 7, 8, 9, 10 (chiếm 85% lượng mưa cả năm); độ ẩm không khí trung bình 85% (cao nhất 89%, thấp nhất 50%); lượng bốc hơi trung bình 850 mm; số giờ nắng bình quân hàng năm từ 1.650 - 1.800 giờ.

## 1.3. Diện tích tự nhiên và tài nguyên đất đai.

Thị trấn Triệu Sơn có diện tích tự nhiên 1,8 km<sup>2</sup>, trong đó:

- Đất nông nghiệp 0,5 km<sup>2</sup> chiếm 27,92% diện tích tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp 1,27 km<sup>2</sup> chiếm 70,80% diện tích tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng 0,02 km<sup>2</sup> chiếm 1,28% diện tích tự nhiên.

Trong những năm gần đây, nhu cầu về đất ở, đất chuyên dùng trên địa bàn thị trấn Triệu Sơn có xu hướng tăng lên để phục vụ cho việc sinh sống, sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (đất cơ sở sản xuất kinh doanh, cụm làng nghề, các dịch vụ thương mại), phát triển hạ tầng, công trình công cộng (đường giao thông, trường học, trạm y tế, công sở, công trình văn hóa – thể thao...).

## 1.4. Dân số và lao động.

### 1.4.1. Dân số.

Thị trấn Triệu Sơn có 1.981 hộ, quy mô dân số 7.973 người, trong đó:

- Dân số thường trú 7.946 người,
- Dân số thường trú quy đổi 27 người.

#### 1.4.2. Lao động.

Dân số trong độ tuổi lao động 5.912 người, trong đó:

- Số lao động được tạo việc làm: 3.124 lao động.
- Lao động trong các ngành công nghiệp – xây dựng, thương mại – dịch vụ (lao động phi nông nghiệp) 5.541 người chiếm 93,72%;
- Lao động các ngành nông nghiệp 371 người chiếm 6,28%.

#### 1.5. Kinh tế - xã hội và kết cấu hạ tầng đô thị.

##### 1.5.1. Phát triển kinh tế.

Kinh tế thị trấn Triệu Sơn tăng trưởng khá, chuyển dịch đúng hướng, các chỉ tiêu đều hoàn thành theo kế hoạch đã đề ra, cụ thể:

- Tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất trên địa bàn năm 2018 đạt 13,5%;
- Tổng giá trị sản xuất đạt 340,0 tỷ đồng, trong đó:
  - + Ngành thương mại - dịch vụ đạt 176,8 tỷ đồng chiếm 41,11%;
  - + Công nghiệp – xây dựng đạt 136,0 tỷ đồng chiếm 35,24%;
  - + Nông nghiệp đạt 27,2 tỷ đồng chiếm 8,0%;
- Thị trấn đã cân đối được thu – chi ngân sách (thu ngân sách đạt 14,81 tỷ đồng, chi ngân sách 14,73 tỷ đồng);
- Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn đạt 5,5 tỷ đồng;
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 42,5 triệu đồng/người/năm;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,34%.

##### a) Thương mại – dịch vụ:

Thương mại – dịch vụ chuyển biến mạnh mẽ, phát triển nhanh, thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia, góp phần tích cực cho phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thị trấn. Năm 2018, giá trị sản xuất ngành thương mại – dịch vụ trên địa bàn thị trấn đạt 176,8 tỷ đồng. Hiện nay, thị trấn Triệu Sơn có 920 hộ gia đình, 53 doanh nghiệp đang kinh doanh dịch vụ.

##### b) Công nghiệp - xây dựng:

Công nghiệp - xây dựng tăng trưởng khá, với các ngành nghề truyền thống như vận tải hành khách, hàng hóa; xây dựng dân dụng tiếp tục phát triển, các doanh nghiệp tăng về số lượng, chất lượng, tạo thu nhập ổn định cho người lao động. Năm 2018, giá trị sản xuất toàn ngành trên địa bàn đạt 136,0 tỷ đồng.

c) Nông lâm thủy sản:

Nông nghiệp tiếp tục ổn định, chất lượng và hiệu quả được nâng lên. Năm 2018, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 27,2 tỷ đồng.

1.5.2. Văn hóa – xã hội:

Văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, an sinh xã hội được chăm lo, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện.

a) Giáo dục:

Giáo dục tiếp tục có bước phát triển tích cực; chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao; công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia được quan tâm; đội ngũ giáo viên được bổ sung và bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển của sự nghiệp giáo dục; tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh đỗ vào các trường đại học, cao đẳng năm sau cao hơn năm trước, cụ thể:

- Số trường học: 03 trường;
- Số trường đạt chuẩn quốc gia: 03 trường;
- Số học sinh: 1.570 học sinh;
- Phổ cập tiểu học: 100%;
- Phổ cập trung học cơ sở: 100%;
- Tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp trung học cơ sở: 100%;
- Tỷ lệ trẻ đến trường đúng tuổi: 100%;

b) Y tế:

Công tác y tế được đảm bảo; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm chỉ đạo; đáp ứng nhu cầu thực hiện các chương trình y tế Quốc gia; đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh và khám chữa bệnh, cụ thể:

- Trạm y tế, có 04 nhân viên, 15 giường bệnh, thăm khám, điều trị cho hàng trăm lượt người (năm 2018).

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,33%;
- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng: 12,0%;

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 87,0%.

c) Văn hóa:

Hoạt động văn hóa phát triển sâu rộng, chất lượng được nâng cao; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội. Phong trào toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư, các phong trào xây dựng thôn, khu phố, cơ quan, đơn vị văn hoá được quan tâm thực hiện; nhà văn hóa – khu thể thao cơ bản đáp ứng được nhu cầu tập luyện thể dục – thể thao của nhân dân, cụ thể:

- Số nhà văn hóa - khu thể thao: 06 nhà văn hóa;

- Tỷ lệ khai trương khu phố, cơ quan, đơn vị văn hóa: 100%;

- Tỷ lệ thôn, cơ quan đạt danh hiệu văn hóa: 80,0%;

- Tỷ lệ gia đình văn hóa: 85,0%.

d) Chính sách xã hội:

Công tác chính sách xã hội được chăm lo; đào tạo, giải quyết việc làm cho người lao động được quan tâm; công tác giảm nghèo được chú trọng; chế độ chính sách đối với người có công và an sinh xã hội được thực hiện kịp thời.

1.5.3. Phát triển đô thị và kết cấu hạ tầng kỹ thuật:

Công tác phát triển đô thị được quan tâm; quản lý trật tự đô thị đi vào nề nếp; tình trạng xây dựng trái phép, không phép, lấn chiếm lòng đường, vỉa hè cơ bản được khắc phục. Tập trung đầu tư, nâng cấp hệ thống đường giao thông, hệ thống điện chiếu sáng ở các trục đường chính, thoát nước, thu gom và rác thải, nước thải... tạo bộ mặt khang trang của đô thị, cụ thể:

- Tổng diện tích sàn nhà ở: 275.905 m<sup>2</sup>;

- Diện tích sàn nhà bình quân 35.0 m<sup>2</sup>/người.

- Tỷ lệ nhà ở kiên cố: 96,0%;

- Công trình thương mại, dịch vụ (chợ, siêu thị): 03 công trình;

- Số km đường giao thông: 18.0 km;

- Diện tích đất giao thông: 54.700 m<sup>2</sup>;

- Tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa: 98,0%;

- Số lượng phương tiện vận tải công cộng: 16 phương tiện;

- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng: 35,0%;

- Tổng công suất điện 4.138.575 kwh

- Chi tiêu cấp điện sinh hoạt: 525 kw/người/năm;
- Tỷ lệ đường chính được chiếu sáng: 100%;
- Tỷ lệ hộ gia đình dùng điện: 100%;
- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 80 lít/người/ngày đêm (người dân trên sử dụng nguồn nước từ hệ thống giếng khoan, nước mưa, nước ngầm... đã được lọc, xử lý hợp vệ sinh).
- Tỷ lệ hộ được dùng nước sạch, hợp vệ sinh: 100%;
- Bình quân máy điện thoại/100 dân: 85 máy;
- Số thuê bao internet: 1.600 thuê bao;
- Hệ thống thoát nước được bê tông hóa: 8,5 km;
- Tổng lượng chất thải sinh hoạt và công nghiệp: 2.700 kg/ngày đêm;
- Tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý hợp vệ sinh: 95,0%.

#### 1.6. Tổ chức hệ thống chính trị.

Xây dựng đảng được củng cố, tăng cường; công tác tổ chức cán bộ, kiểm tra, dân vận... được thực hiện nghiêm túc; vai trò của mặt trận và các tổ chức đoàn thể được nâng cao; hoạt động của HĐND và UBND có nhiều đổi mới, công tác giám sát, tiếp xúc cử tri, cải cách hành chính được thực hiện thường xuyên, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả hoạt, cụ thể:

##### 1.6.1. Đảng bộ:

- Tổng số chi bộ trực thuộc: 10 chi bộ;
- Tổng số đảng viên: 539 đảng viên;
- Ban chấp hành đảng bộ: 13 đồng chí;
- Ban Thường vụ: 04 đồng chí gồm: Bí thư, 02 Phó Bí thư (01 Phó Bí thư chuyên trách và 01 Phó Bí thư phụ trách chính quyền), 01 Ủy viên.

##### 1.6.2. Hội đồng nhân dân:

- Tổng số đại biểu: 24 đại biểu;
- Thường trực HĐND: 02 người;
- Các Ban của HĐND: Ban Pháp chế và Kinh tế - xã hội.

1.6.3. UBND có 4 thành viên, gồm Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 02 Ủy viên UBND (thị trấn là đơn vị hành chính loại 3).



#### 1.6.4. Tổ chức chính trị - xã hội:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc: 39 thành viên, 06 Ban Công tác Mặt trận;
- Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: 102 đoàn viên, 10 chi đoàn;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ: 723 hội viên, 06 chi hội;
- Hội Cựu chiến binh: 427 hội viên, 06 chi hội;
- Hội Nông dân: 425 hội viên, 06 chi hội.

1.6.5. Cán bộ, công chức: 20 người (cán bộ: 10 người, công chức: 10 người); trong đó:

- Đảng viên: 18 người; nữ: 08 người; dân tộc thiểu số: 0 người;
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:
  - + Trung cấp: 0 người;
  - + Cao đẳng: 04 người;
  - + Đại học: 16 người;
  - + Sau đại học: 0 người;
- Trình độ lý luận chính trị:
  - + Sơ cấp: 01 người;
  - + Trung cấp: 13 người;
  - + Cử nhân, cao cấp: 02 người;

#### 1.6.6. Đơn vị sự nghiệp:

- Trường học:
  - + 03 trường (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở), quy mô 46 lớp
  - + 86 viên chức đang làm việc, gồm: 07 cán bộ quản lý 03 hiệu trưởng, 04 hiệu phó) và 79 giáo viên, nhân viên;
- Trạm y tế, quy mô 10 giường bệnh, 04 nhân viên y tế.

#### 1.6.7. Số lượng người hoạt động không chuyên trách:

- Ở thị trấn 13 người,
- Ở các phố 30 người.

1.6.8. Tổ chức hội đặc thù, hội xã hội: 08 hội, 3.156 hội viên.

#### 1.7. Quốc phòng – an ninh.

Thị trấn chủ động xây dựng kế hoạch quân sự, quốc phòng; tổ chức tốt công tác huấn luyện cho đơn vị dân quân tự vệ; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng; hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân của huyện giao; chế độ trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu được duy trì thực hiện nghiêm; triển khai thực hiện hiệu quả phương án phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn. An ninh trật tự trên địa bàn luôn được đảm bảo ổn định, có nhiều mặt chuyển biến tích cực, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ và các điểm nóng trên địa bàn; hoạt động tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội được kiểm chế; trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng từng bước đi vào nề nếp; công tác xây dựng mô hình tự quản, xây dựng khu dân cư an toàn về an ninh trật tự thực hiện có hiệu quả.

## **2. Lịch sử hình thành và hiện trạng xã Minh Dân (đơn vị có 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số chưa đạt 50% theo quy định)**

### **2.1. Lịch sử hình thành.**

Địa bàn xã Minh Dân ngày nay đã có lịch sử lâu đời. Đầu thế kỷ XIX thuộc xã Cổ Mộc, tổng Lai Triều. Sau Cách mạng tháng 8/1945 thuộc xã Minh Đức, sau đó thuộc xã Minh Nông, huyện Nông Công. Tháng 10/1953, xã Minh Dân được thành lập trên cơ sở chia xã Minh Nông. Tháng 12/1964, xã Minh Dân tách khỏi huyện Nông Công cùng với các xã khác thành lập huyện Triệu Sơn theo Quyết định số 117-CP ngày 16/12/1964 của Chính phủ.

### **2.2. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên.**

#### **2.2.1. Vị trí địa lý:**

Xã Minh Dân cách thành phố Thanh Hóa 18 km về phía Tây, có vị trí địa lý (trung tâm):  $19^{\circ}49'46''$  vĩ độ Bắc,  $105^{\circ}36'56''$  kinh độ Đông; địa giới hành chính phía Bắc giáp các xã: Dân Lực, Dân Quyền; phía Nam giáp xã Minh Châu và thị trấn Triệu Sơn; phía Đông giáp xã Dân Lý; phía Tây giáp thị trấn Triệu Sơn.

#### **2.2.2. Điều kiện tự nhiên:**

Xã Minh Dân thuộc vùng đồng bằng của huyện Triệu Sơn; độ cao trung bình 10 m so với mặt nước biển; thuộc tiểu vùng khí hậu đồng bằng, nhiệt độ trung bình từ  $24^{\circ}\text{C}$ , tổng nhiệt độ cả năm  $8.300^{\circ}\text{C}$  –  $8.300^{\circ}\text{C}$ ; lượng mưa trung bình từ 1.800 – 1.900 mm/năm, tập trung chủ yếu vào các tháng: 5, 6, 7, 8, 9, 10 (chiếm 85% lượng mưa cả năm); độ ẩm không khí trung bình 85% (cao nhất

89%, thấp nhất 50%); lượng bốc hơi trung bình 850 mm; số giờ nắng bình quân hàng năm từ 1.650 - 1.800 giờ.

### 2.3. Diện tích tự nhiên và tài nguyên đất đai.

Xã Minh Dân có diện tích tự nhiên 3,21 km<sup>2</sup>, trong đó:

- Đất nông nghiệp 2,19 km<sup>2</sup> chiếm 68,28% diện tích tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp 1,01 km<sup>2</sup> chiếm 31,54% diện tích tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng 0,01 km<sup>2</sup> chiếm 0,18% diện tích tự nhiên.

### 2.4. Dân số và lao động.

#### 2.4.1. Dân số:

Xã Minh Dân có 965 hộ, quy mô dân số 3.744 người, trong đó:

- Dân số thường trú 3.534 người,
- Dân số thường trú quy đổi 210 người.

#### 2.4.2. Lao động:

Dân số trong độ tuổi lao động 2.966 người, trong đó:

- Số lao động được tạo việc làm: 1.360 lao động.
- Lao động trong các ngành công nghiệp – xây dựng, thương mại – dịch vụ (lao động phi nông nghiệp) 2.171 người chiếm 73,19%;
- Lao động các ngành nông nghiệp 795 người chiếm 26,81%.

### 2.5. Kinh tế - xã hội và kết cấu hạ tầng đô thị.

#### 2.5.1. Phát triển kinh tế:

Kinh tế xã Minh Dân tăng trưởng khá, chuyển dịch đúng hướng, các chỉ tiêu đều hoàn thành theo kế hoạch đã đề ra, cụ thể:

- Tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất trên địa bàn năm 2018 đạt 13,0%;
- Tổng giá trị sản xuất đạt 98,75 tỷ đồng, trong đó:
  - + Ngành thương mại - dịch vụ đạt 41,11 tỷ đồng chiếm 41,63%;
  - + Công nghiệp – xây dựng đạt 35,24 tỷ đồng chiếm 35,69%;
  - + Nông nghiệp đạt 22,40 tỷ đồng chiếm 22,68%;
- Xã đã cân đối được thu – chi ngân sách (thu ngân sách đạt 8,39 tỷ đồng, chi ngân sách 7,69 tỷ đồng);

- Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn đạt 1,88 tỷ đồng;
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 32,5 triệu đồng/người/năm;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 3,39%.

a) Thương mại – dịch vụ:

Thương mại – dịch vụ chuyển biến mạnh mẽ, phát triển nhanh, thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia, góp phần tích cực cho phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của xã. Năm 2018, giá trị sản xuất ngành thương mại – dịch vụ trên địa bàn xã đạt 41,11 tỷ đồng. Hiện nay, xã Minh Dân có 246 hộ gia đình, 06 doanh nghiệp đang kinh doanh dịch vụ.

b) Công nghiệp - xây dựng:

Công nghiệp - xây dựng tăng trưởng khá, với các ngành nghề truyền thống; xây dựng dân dụng tiếp tục phát triển; các doanh nghiệp tăng về số lượng, chất lượng, tạo thu nhập ổn định cho người lao động. Năm 2018, giá trị sản xuất toàn ngành trên địa bàn đạt 35,24 tỷ đồng.

c) Nông lâm thủy sản:

Nông nghiệp tiếp tục ổn định, chất lượng và hiệu quả được nâng lên. Năm 2018, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 22,40 tỷ đồng.

2.5.2. Văn hóa – xã hội:

Văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, an sinh xã hội được chăm lo, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện.

a) Giáo dục:

Giáo dục tiếp tục có bước phát triển tích cực; chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao; công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia được quan tâm; đội ngũ giáo viên được bổ sung và bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển của sự nghiệp giáo dục; tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh đỗ vào các trường đại học, cao đẳng năm sau cao hơn năm trước, cụ thể:

- Số trường học: 03 trường;
- Số trường đạt chuẩn quốc gia: 03 trường;
- Số học sinh: 529 học sinh;
- Phổ cập tiểu học: 100%;
- Phổ cập trung học cơ sở: 100%;

- Tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp trung học cơ sở: 100%;
- Tỷ lệ trẻ đến trường đúng tuổi: 100%;

b) Y tế:

Công tác y tế được đảm bảo; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm chỉ đạo; đáp ứng nhu cầu thực hiện các chương trình y tế Quốc gia; đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh và khám chữa bệnh, cụ thể:

- Trạm y tế, có 04 nhân viên, 10 giường bệnh, thăm khám, điều trị cho hàng trăm lượt người (năm 2018).
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,10%;
- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng: 8,0%;
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 78,0%.

c) Văn hóa:

Hoạt động văn hóa phát triển sâu rộng, chất lượng được nâng cao; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội. Phong trào toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư, các phong trào xây dựng thôn, khu phố, cơ quan, đơn vị văn hoá được quan tâm thực hiện; nhà văn hóa – khu thể thao cơ bản đáp ứng được nhu cầu tập luyện thể dục – thể thao của nhân dân, cụ thể:

- Số nhà văn hóa - khu thể thao: 06 nhà văn hóa;
- Tỷ lệ khai trương khu phố, cơ quan, đơn vị văn hóa: 96,0%;
- Tỷ lệ thôn, cơ quan đạt danh hiệu văn hóa: 100%;
- Tỷ lệ gia đình văn hóa: 86,6%.

d) Chính sách xã hội:

Công tác chính sách xã hội được chăm lo; đào tạo, giải quyết việc làm cho người lao động được quan tâm; công tác giảm nghèo được chú trọng; chế độ chính sách đối với người có công và an sinh xã hội được thực hiện kịp thời.

2.5.3. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật:

- Tổng diện tích sàn nhà ở: 98.750 m<sup>2</sup>;
- Diện tích sàn nhà bình quân 25,0 m<sup>2</sup>/người.
- Tỷ lệ nhà ở kiên cố: 87,0%;
- Công trình thương mại, dịch vụ (chợ, siêu thị): 0 công trình;

- Số km đường giao thông: 24,84 km;
- Diện tích đất giao thông: 29.200 m<sup>2</sup>;
- Tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa: 100%;
- Số lượng phương tiện vận tải công cộng: 0 phương tiện;
- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng: 0%;
- Tổng công suất điện 1.422.000 kwh
- Chi tiêu cấp điện sinh hoạt: 360 kw/người/năm;
- Tỷ lệ đường chính được chiếu sáng: 100%;
- Tỷ lệ hộ gia đình dùng điện: 100%;
- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 85 lít/người/ngày đêm (người dân trên sử dụng nguồn nước từ hệ thống giếng khoan, nước mưa, nước ngầm... đã được lọc, xử lý hợp vệ sinh)
- Tỷ lệ hộ được dùng nước sạch, hợp vệ sinh: 100%;
- Bình quân máy điện thoại/100 dân: 77 máy;
- Số thuê bao internet: 1.271 thuê bao;
- Hệ thống thoát nước được bê tông hóa: 12,71 km;
- Tổng lượng chất thải sinh hoạt và công nghiệp: 2.000 kg/ngày đêm;
- Tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý hợp vệ sinh: 70%.

#### 2.6. Tổ chức hệ thống chính trị.

Xây dựng đảng được củng cố, tăng cường; công tác tổ chức cán bộ, kiểm tra, dân vận... được thực hiện nghiêm túc; vai trò của mặt trận và các tổ chức đoàn thể được nâng cao; hoạt động của HĐND và UBND có nhiều đổi mới, công tác giám sát, tiếp xúc cử tri, cải cách hành chính được thực hiện thường xuyên, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả hoạt, cụ thể:

##### 2.6.1. Đảng bộ:

- Tổng số chi bộ trực thuộc: 07 chi bộ;
- Tổng số đảng viên: 317 đảng viên;
- Ban chấp hành đảng bộ: 15 đồng chí;
- Ban Thường vụ: 04 đồng chí gồm: Bí thư, 02 Phó Bí thư (01 Phó Bí thư chuyên trách và 01 Phó Bí thư phụ trách chính quyền), 01 Ủy viên.

#### 2.6.2. Hội đồng nhân dân:

- Tổng số đại biểu: 22 đại biểu;
- Thường trực HĐND: 02 người;
- Các Ban của HĐND: Ban Pháp chế và Kinh tế - xã hội.

2.6.3. UBND có 04 thành viên, gồm Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 02 Ủy viên UBND (xã là đơn vị hành chính loại 3).

#### 2.6.4. Tổ chức chính trị - xã hội:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc: 31 thành viên, 04 Ban Công tác Mặt trận;
- Đoàn thanh niên Cộng sản HCM: 125 đoàn viên, 07 chi đoàn;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ: 773 hội viên, 05 chi hội;
- Hội Cựu chiến binh: 284 hội viên, 04 chi hội;
- Hội Nông dân: 412 hội viên, 04 chi hội.

2.6.5. Cán bộ, công chức: 19 người (cán bộ: 09 người, công chức: 10 người); trong đó:

- Đảng viên: 18 người; nữ: 05 người; dân tộc thiểu số: 0 người;
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:
  - + Trung cấp: 03 người;
  - + Cao đẳng: 0 người;
  - + Đại học: 15 người;
  - + Sau đại học: 0 người;
- Trình độ lý luận chính trị:
  - + Sơ cấp: 02 người;
  - + Trung cấp: 17 người;
  - + Cử nhân, cao cấp: 0 người;

#### 2.6.6. Đơn vị sự nghiệp:

- Trường học:
  - + 03 trường (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở), quy mô 21 lớp
  - + 46 viên chức đang làm việc, gồm: 06 cán bộ quản lý 03 hiệu trưởng, 03 hiệu phó) và 40 giáo viên, nhân viên;

- Trạm y tế, quy mô 10 giường bệnh, 04 nhân viên y tế.

2.6.7. Số lượng người hoạt động không chuyên trách:

- Ở xã 18 người,

- Ở các thôn 12 người.

2.6.8. Tổ chức hội đặc thù, hội xã hội: 05 hội, 552 hội viên.

2.7. Quốc phòng – an ninh.

Xã đã chủ động xây dựng kế hoạch quân sự, quốc phòng; tổ chức tốt công tác huấn luyện cho đơn vị dân quân tự vệ; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng; hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân của huyện giao; chế độ trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu được duy trì thực hiện nghiêm; triển khai thực hiện hiệu quả phương án phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn. An ninh trật tự trên địa bàn luôn được đảm bảo ổn định, có nhiều mặt chuyển biến tích cực, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ và các điểm nóng trên địa bàn; hoạt động tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội được kiểm chế; trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng từng bước đi vào nề nếp; công tác xây dựng mô hình tự quản, xây dựng khu dân cư an toàn về an ninh trật tự thực hiện có hiệu quả.

### **3. Lịch sử hình thành và hiện trạng xã Minh Châu**

3.1. Lịch sử hình thành.

Vùng đất xã Minh Châu ngày nay đã có lịch sử lâu đời. Đầu thế kỷ XIX thuộc xã Cổ Mộc, tổng Lai Triều. Sau Cách mạng tháng 8/1945 thuộc xã Minh Đức, sau đó thuộc xã Minh Nông, huyện Nông Công. Tháng 10/1953, xã Minh Châu được thành lập trên cơ sở chia xã Minh Nông. Tháng 12/1964, xã Minh Châu tách khỏi huyện Nông Công cùng với các xã khác thành lập huyện Triệu Sơn theo Quyết định số 117-CP ngày 16/12/1964 của Chính phủ.

3.2. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên.

3.2.1. Vị trí địa lý:

Xã Minh Châu cách thành phố Thanh Hóa 18 km về phía Tây, vị trí địa lý (trung tâm): 19°49'07" vĩ độ Bắc, 105°37'11" kinh độ Đông; địa giới hành chính phía Bắc giáp xã Minh Dân và thị trấn Triệu Sơn; phía Nam giáp các xã: Nông Trường, An Nông; phía Đông giáp xã Dân Lý; phía Tây giáp xã Minh Sơn và thị trấn Triệu Sơn.

3.2.2. Điều kiện tự nhiên:



Xã Minh Châu thuộc vùng đồng bằng của huyện Triệu Sơn; độ cao trung bình 10 m so với mặt nước biển; thuộc tiểu vùng khí hậu đồng bằng, nhiệt độ trung bình từ 24<sup>0</sup>C, tổng nhiệt độ cả năm 8.300<sup>0</sup>C – 8.300<sup>0</sup>C; lượng mưa trung bình từ 1.800 – 1.900 mm/năm, tập trung chủ yếu vào các tháng: 5, 6, 7, 8, 9, 10 (chiếm 85% lượng mưa cả năm); độ ẩm không khí trung bình 85% (cao nhất 89%, thấp nhất 50%); lượng bốc hơi trung bình 850 mm; số giờ nắng bình quân hàng năm từ 1.650 - 1.800 giờ.

### 3.3. Diện tích tự nhiên và tài nguyên đất đai.

Xã Minh Châu có diện tích tự nhiên 3,49 km<sup>2</sup>, trong đó:

- Đất nông nghiệp 2,23 km<sup>2</sup> chiếm 63,90% diện tích tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp 1,26 km<sup>2</sup> chiếm 36,10% diện tích tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng 0 ha chiếm 0% diện tích tự nhiên.

### 3.4. Dân số và lao động.

#### 3.4.1. Dân số:

Xã Minh Châu có 1.304 hộ, quy mô dân số 5.113 người, trong đó:

- Dân số thường trú 5.113 người,
- Dân số thường trú quy đổi 0 người.

#### 3.4.2. Lao động:

Dân số trong độ tuổi lao động 3.850 người, trong đó:

- Số lao động được tạo việc làm: 2.695 lao động.
- Lao động trong các ngành công nghiệp – xây dựng, thương mại – dịch vụ (lao động phi nông nghiệp) 2.457 người chiếm 63,81%;
- Lao động các ngành nông nghiệp 1.393 người chiếm 36,19%.

### 3.5. Kinh tế - xã hội và kết cấu hạ tầng đô thị.

#### 3.5.1. Phát triển kinh tế:

Kinh tế xã Minh Châu tăng trưởng khá, chuyên dịch đúng hướng, các chỉ tiêu đều hoàn thành theo kế hoạch đã đề ra, cụ thể:

- Tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất trên địa bàn năm 2018 đạt 14,9%;
- Tổng giá trị sản xuất đạt 165,60 tỷ đồng, trong đó:
  - + Ngành thương mại - dịch vụ đạt 83,0 tỷ đồng chiếm 50,12%;
  - + Công nghiệp – xây dựng đạt 48,8 tỷ đồng chiếm 29,47%;

+ Nông nghiệp đạt 33,8 tỷ đồng chiếm 20,41%;

- Xã đã cân đối được thu – chi ngân sách (thu ngân sách đạt 11,3 tỷ đồng, chi ngân sách 11,0 tỷ đồng);

- Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn đạt 20,0 tỷ đồng;

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 34,0 triệu đồng/người/năm;

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 4,6%.

a) Thương mại – dịch vụ:

Thương mại – dịch vụ chuyển biến mạnh mẽ, phát triển nhanh, thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia, góp phần tích cực cho phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của xã. Năm 2018, giá trị sản xuất ngành thương mại – dịch vụ trên địa bàn xã đạt 83,0 tỷ đồng. Hiện nay, xã Minh Châu có 357 hộ gia đình, 01 doanh nghiệp đang kinh doanh dịch vụ.

b) Công nghiệp - xây dựng:

Công nghiệp - xây dựng tăng trưởng khá, với các ngành nghề truyền thống; xây dựng dân dụng tiếp tục phát triển; các doanh nghiệp tăng về số lượng, chất lượng, tạo thu nhập ổn định cho người lao động. Năm 2018, giá trị sản xuất toàn ngành trên địa bàn đạt 48,8 tỷ đồng.

c) Nông lâm thủy sản:

Nông nghiệp tiếp tục ổn định, chất lượng và hiệu quả được nâng lên. Năm 2018, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 33,8 tỷ đồng.

3.5.2. Văn hóa – xã hội:

Văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, an sinh xã hội được chăm lo, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện.

a) Giáo dục:

Giáo dục tiếp tục có bước phát triển tích cực; chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao; công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia được quan tâm; đội ngũ giáo viên được bổ sung và bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển của sự nghiệp giáo dục; tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh đỗ vào các trường đại học, cao đẳng năm sau cao hơn năm trước, cụ thể:

- Số trường học: 03 trường;

- Số trường đạt chuẩn quốc gia: 02 trường;
- Số học sinh: 802 học sinh;
- Phổ cập tiểu học: 100%;
- Phổ cập trung học cơ sở: 100%;
- Tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp trung học cơ sở: 100%;
- Tỷ lệ trẻ đến trường đúng tuổi: 100%;

b) Y tế:

Công tác y tế được đảm bảo; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm chỉ đạo; đáp ứng nhu cầu thực hiện các chương trình y tế Quốc gia ; đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh và khám chữa bệnh, cụ thể:

- Trạm y tế, có 05 nhân viên, 10 giường bệnh, thăm khám, điều trị cho hàng trăm lượt người (năm 2018).

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 0,7%;
- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng: 10%;
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 73,5%.

c) Văn hóa:

Hoạt động văn hóa phát triển sâu rộng, chất lượng được nâng cao; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội. Phong trào toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư, các phong trào xây dựng thôn, khu phố, cơ quan, đơn vị văn hoá được quan tâm thực hiện; nhà văn hóa – khu thể thao cơ bản đáp ứng được nhu cầu tập luyện thể dục – thể thao của nhân dân, cụ thể:

- Số nhà văn hóa - khu thể thao: 02 nhà văn hóa;
- Tỷ lệ khai trương khu phố, cơ quan, đơn vị văn hóa: 50%;
- Tỷ lệ thôn, cơ quan đạt danh hiệu văn hóa: 50%;
- Tỷ lệ gia đình văn hóa: 70%.

d) Chính sách xã hội:

Công tác chính sách xã hội được chăm lo; đào tạo, giải quyết việc làm cho người lao động được quan tâm; công tác giảm nghèo được chú trọng; chế độ chính sách đối với người có công và an sinh xã hội được thực hiện kịp thời.

3.5.3. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật:

- Tổng diện tích sàn nhà ở: 84.345 m<sup>2</sup>;
- Diện tích sàn nhà bình quân 15 m<sup>2</sup>/người.
- Tỷ lệ nhà ở kiên cố: 85%;
- Công trình thương mại, dịch vụ (chợ, siêu thị): 01 công trình;
- Số km đường giao thông: 20 km;
- Diện tích đất giao thông: 34.452,5 m<sup>2</sup>;
- Tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa: 80,46%;
- Số lượng phương tiện vận tải công cộng: 0 phương tiện;
- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng: 0%;
- Tổng công suất điện 1.578.090 kwh
- Chi tiêu cấp điện sinh hoạt: 410 kw/người/năm;
- Tỷ lệ đường chính được chiếu sáng: 100%;
- Tỷ lệ hộ gia đình dùng điện: 100%;
- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 87 lít/người/ngày đêm (người dân trên sử dụng nguồn nước từ hệ thống giếng khoan, nước mưa, nước ngầm... đã được lọc, xử lý hợp vệ sinh)
- Tỷ lệ hộ được dùng nước sạch, hợp vệ sinh: 100%;
- Bình quân máy điện thoại/100 dân: 76 máy;
- Số thuê bao internet: 590 thuê bao;
- Hệ thống thoát nước được bê tông hóa: 5,9 km;
- Tổng lượng chất thải sinh hoạt và công nghiệp: 1,572 kg/ngày đêm;
- Tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý hợp vệ sinh: 70%.

### 3.6. Tổ chức hệ thống chính trị.

Xây dựng đảng được củng cố, tăng cường; công tác tổ chức cán bộ, kiểm tra, dân vận... được thực hiện nghiêm túc; vai trò của mặt trận và các tổ chức đoàn thể được nâng cao; hoạt động của HĐND và UBND có nhiều đổi mới, công tác giám sát, tiếp xúc cử tri, cải cách hành chính được thực hiện thường xuyên, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả hoạt, cụ thể:

#### 3.6.1. Đảng bộ:

- Tổng số chi bộ trực thuộc: 08 chi bộ;
- Tổng số đảng viên: 205 đảng viên;
- Ban chấp hành đảng bộ: 11 đồng chí;
- Ban Thường vụ: 03 đồng chí gồm: Bí thư, 02 Phó Bí thư (01 Phó Bí thư chuyên trách và 01 Phó Bí thư phụ trách chính quyền), 0 Ủy viên.

#### 3.6.2. Hội đồng nhân dân:

- Tổng số đại biểu: 25 đại biểu;
- Thường trực HĐND: 02 người;
- Các Ban của HĐND: Ban Pháp chế và Kinh tế - xã hội.

3.6.3. UBND có 04 thành viên, gồm Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 02 Ủy viên UBND (xã là đơn vị hành chính loại 3).

#### 3.6.4. Tổ chức chính trị - xã hội:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc: 24 thành viên, 04 Ban Công tác Mặt trận;
- Đoàn thanh niên Cộng sản HCM: 145 đoàn viên, 07 chi đoàn;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ: 845 hội viên, 04 chi hội;
- Hội Cựu chiến binh: 230 hội viên, 04 chi hội;
- Hội Nông dân: 645 hội viên, 04 chi hội.

3.6.5. Cán bộ, công chức: 19 người (cán bộ: 10 người, công chức: 09 người); trong đó:

- Đảng viên: 19 người; nữ: 06 người; dân tộc thiểu số: 0 người;
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:
  - + Trung cấp: 04 người;
  - + Cao đẳng: 0 người;
  - + Đại học: 12 người;
  - + Sau đại học: 01 người;
- Trình độ lý luận chính trị:
  - + Sơ cấp: 01 người;
  - + Trung cấp: 15 người;

+ Cử nhân, cao cấp: 0 người;

3.6.6. Đơn vị sự nghiệp:

- Trường học:

+ 03 trường (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở), quy mô 30 lớp

+ 58 viên chức đang làm việc, gồm: 07 cán bộ quản lý (03 hiệu trưởng, 04 hiệu phó) và 51 giáo viên, nhân viên;

- Trạm y tế, quy mô 10 giường bệnh, 05 nhân viên y tế.

3.6.7. Số lượng người hoạt động không chuyên trách:

- Ở xã 18 người,

- Ở các thôn 12 người.

3.6.8. Tổ chức hội đặc thù, hội xã hội: 04 hội, 719 hội viên.

3.7. Quốc phòng – an ninh.

Xã đã chủ động xây dựng kế hoạch quân sự, quốc phòng; tổ chức tốt công tác huấn luyện cho đơn vị dân quân tự vệ; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng; hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân của huyện giao; chế độ trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu được duy trì thực hiện nghiêm; triển khai thực hiện hiệu quả phương án phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn. An ninh trật tự trên địa bàn luôn được đảm bảo ổn định, có nhiều mặt chuyển biến tích cực, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ và các điểm nóng trên địa bàn; hoạt động tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội được kiểm chế; trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng từng bước đi vào nề nếp; công tác xây dựng mô hình tự quản, xây dựng khu dân cư an toàn về an ninh trật tự thực hiện có hiệu quả.

### **Phần III**

## **PHƯƠNG ÁN NHẬP CÁC XÃ: MINH DÂN, MINH CHÂU VÀO THỊ TRẤN TRIỆU SƠN**

**1. Nội dung phương án nhập các xã: Minh Dân, Minh Châu vào thị trấn Triệu Sơn**

1.1. Hiện trạng huyện Triệu Sơn và các xã: Minh Dân, Minh Châu, thị trấn Triệu Sơn.

1.1.1. Huyện Triệu Sơn có diện tích tự nhiên 290,05 km<sup>2</sup>, dân số 229.414 người; 36 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 34 xã: Thọ Sơn, Thọ Bình, Thọ Tiến, Hợp Lý, Hợp Tiến, Hợp Thành, Triệu Thành, Hợp Thắng, Minh Sơn,

Minh Dân, Minh Châu, Dân Lục, Dân Lý, Dân Quyền, An Nông, Vân Sơn, Thái Hoà, Đồng Lợi, Đồng Tiến, Đồng Thắng, Tiến Nông, Khuyến Nông, Xuân Thịnh, Xuân Lộc, Thọ Dân, Xuân Thọ, Thọ Tân, Thọ Ngọc, Thọ Cường, Thọ Phú, Thọ Vực, Thọ Thế, Nông Trường, Bình Sơn và 02 thị trấn: Triệu Sơn, Nưa.

1.1.2. Thị trấn Triệu Sơn có diện tích 1,80 km<sup>2</sup>, dân số 7.973 người; gồm có 06 tổ dân phố: Bà Triệu, Giắt, Lê Lợi, Tân Phong, Tân Thanh, Tô Vĩnh Diện.

Địa giới hành chính: địa giới hành chính phía Bắc giáp các xã: Minh Sơn, Dân Lục; phía Nam giáp các xã: Minh Sơn, Minh Châu; phía Đông giáp các xã: Minh Châu, Minh Dân; phía Tây giáp xã Minh Sơn.

1.1.3. Xã Minh Dân có diện tích tự nhiên 3,21 km<sup>2</sup>, dân số 3.744 người; gồm có 04 thôn: Tân Dân, Tân Tiến, Tân Khoa, Tân Minh.

Địa giới hành chính: phía Bắc giáp các xã: Dân Lục, Dân Quyền; phía Nam giáp xã Minh Châu và thị trấn Triệu Sơn; phía Đông giáp xã Dân Lý; phía Tây giáp thị trấn Triệu Sơn.

1.1.4. Xã Minh Châu có diện tích tự nhiên 3,49 km<sup>2</sup>, dân số 5.113 người, gồm có 04 thôn: 1, 2, 3, 4.

Địa giới hành chính: phía Bắc giáp xã Minh Dân và thị trấn Triệu Sơn; phía Nam giáp các xã: Nông Trường, An Nông; phía Đông giáp xã Dân Lý; phía Tây giáp xã Minh Sơn và thị trấn Triệu Sơn.

1.2 Cơ sở pháp lý và lý do của việc nhập các xã: Minh Dân, Minh Châu vào thị trấn Triệu Sơn.

Khoản 2, Điều 3 Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định: Sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thì các đơn vị hành chính được sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, dân số quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, trừ trường hợp nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên hoặc nhập 02 đơn vị hành chính cùng cấp nhưng do có yếu tố đặc thù mà không thể nhập thêm đơn vị hành chính khác liền kề.

Nhập các xã: Minh Dân, Minh Châu vào thị trấn Triệu Sơn là nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên nên đã đảm bảo cơ sở pháp lý theo quy định. Mặt khác, nếu tiếp tục nhập thêm đơn vị hành chính thì quy mô của thị trấn Triệu Sơn sẽ rất lớn, ảnh hưởng đến sinh hoạt, học tập, giao dịch hành chính của công dân; sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, quản lý của chính quyền, bố trí cán bộ, công chức, viên chức; làm giảm chất lượng đô thị.

1.3. Phương án nhập xã: Minh Dân, Minh Châu vào thị trấn Triệu Sơn.

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số xã Minh Dân (3,21 km<sup>2</sup>, 3.744 người), xã Minh Châu (3,49 km<sup>2</sup>, 5.113 người) vào thị trấn Triệu Sơn (1,80 km<sup>2</sup>, 7.973 người) quản lý.

## **2. Kết quả sau khi nhập các xã: Minh Dân, Minh Châu vào thị trấn Triệu Sơn**

2.1. Thị trấn Triệu Sơn có diện tích 8,49 km<sup>2</sup>, dân số 16.830 người; gồm có 14 tổ dân phố: Bà Triệu, Giắt, Lê Lợi, Tân Phong, Tân Thanh, Tô Vĩnh Diện, Tân Dân, Tân Tiến, Tân Khoa, Tân Minh, 1, 2, 3, 4.

Địa giới hành chính: phía Bắc giáp các xã: Dân Quyền, Dân Lực, Minh Sơn; phía Nam giáp các xã: Nông Trường, An Nông; phía Đông giáp xã Dân Lý; phía Tây giáp xã Minh Sơn.

2.1. Huyện Triệu Sơn có diện tích tự nhiên 290,05 km<sup>2</sup>, dân số 229.414 người; còn 34 đơn vị hành chính trực thuộc (giảm 02 đơn vị), gồm 32 xã: Thọ Sơn, Thọ Bình, Thọ Tiến, Hợp Lý, Hợp Tiến, Hợp Thành, Triệu Thành, Hợp Thắng, Minh Sơn, Dân Lực, Dân Lý, Dân Quyền, An Nông, Vân Sơn, Thái Hoà, Đồng Lợi, Đồng Tiến, Đồng Thắng, Tiến Nông, Khuyến Nông, Xuân Thịnh, Xuân Lộc, Thọ Dân, Xuân Thọ, Thọ Tân, Thọ Ngọc, Thọ Cường, Thọ Phú, Thọ Vực, Thọ Thế, Nông Trường, Bình Sơn và 02 thị trấn: Triệu Sơn, Nưa.

## **Phần IV**

### **ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**

##### **1. Tác động về tổ chức bộ máy, quản lý nhà nước**

###### **1.1. Tác động tích cực.**

- Nhập các xã: Minh Dân, Minh Châu vào thị trấn Triệu Sơn góp phần đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở (tinh gọn giảm 02 Đảng ủy, 02 HĐND, 02 UBND, 10 tổ chức chính trị - xã hội).

- Nhập các xã vào thị trấn là tiền đề tổ chức, mở rộng phạm vi quản lý của chính quyền đô thị - thị trấn thay cho chính quyền nông thôn - xã với chức năng, nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu quản lý đối với quá trình đô thị hóa đang diễn ra trên địa bàn, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, đặc biệt là trên các lĩnh vực về xây dựng, đô thị, quy hoạch, kiến trúc...



- Công sở ở vị trí trung tâm hình học sau khi mở rộng thị trấn; hệ thống hạ tầng giao thông đã kết nối đồng bộ giữa các khu vực góp phần thuận lợi cho công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương.

- Tổ chức, hoạt động của các thôn hiện nay được kiện toàn thành các khu phố cho phù hợp với đơn vị hành chính thị trấn; không chia tách hay thành lập mới nên không làm tăng số lượng khu phố.

### 1.2. Tác động hạn chế.

Chưa thấy tác động hạn chế của nhập các xã: Minh Dân, Minh Châu vào thị trấn Triệu Sơn tới tổ chức bộ máy hệ thống chính trị.

## 2. Tác động đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

### 2.1. Tác động tích cực.

Nhập các xã: Minh Dân, Minh Châu vào thị trấn Triệu Sơn góp phần tinh giảm biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Cụ thể, giảm 12 chức danh lãnh đạo chủ chốt: 02 Bí thư Đảng ủy, 02 Phó Bí thư Đảng ủy; 02 Chủ tịch HĐND, 02 Phó Chủ tịch HĐND; 02 Chủ tịch UBND, 02 Phó Chủ tịch UBND; 10 Trưởng của tổ chức chính trị - xã hội. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã được giao sẽ giảm 42 người, 35 người hoạt động không chuyên trách ở xã và 14 người ở thôn (các thôn sau khi nhập vào thị trấn sẽ chuyển thành tổ dân phố nên nhân viên y tế không phải là người hoạt động không chuyên trách), góp phần làm giảm chi ngân sách cho chi trả lương và phụ cấp cho các đối tượng khoảng 2,9 tỷ đồng/năm<sup>2</sup>

### 2.2. Tác động hạn chế.

Do sáp nhập đơn vị hành chính nông thôn vào đơn vị hành chính đô thị nên bước đầu đội ngũ cán bộ, công chức xã được bố trí công tác ở thị trấn sẽ gặp khó khăn trong thực thi nhiệm vụ do sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ giữa hai mô hình quản lý (xã - thị trấn); cần có giải pháp đào tạo, bồi dưỡng để trang bị kỹ năng, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Người thôi đảm nhiệm chức vụ, chức danh ảnh hưởng đến lợi ích, tâm tư cá nhân nên cần có phương án bố trí, chế độ chính sách hỗ trợ phù hợp, đảm bảo quyền lợi.

## 3. Tác động đến phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh

### 3.1. Tác động tích cực.

<sup>2</sup> Hiện nay, mức phân bổ kinh phí trung bình cho 01 biên chế là 3,85 hệ số/tháng (2,9 hệ số tiền lương, 0,62 hệ số phụ cấp, 0,33 hệ số hỗ trợ đóng góp) và cho 01 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là 0,76 hệ số/tháng.

- Nhập các xã: Minh Dân, Minh Châu vào thị trấn Triệu Sơn không làm chia nhỏ, phân tán nguồn lực đầu tư hay làm giảm tiềm năng lợi thế mà còn góp phần làm tăng nguồn lực, quy mô nền kinh tế, hiệu quả đầu tư xã hội.

- Tổ chức bộ máy được tinh gọn, biên chế được tinh giảm nên không làm tăng kinh phí chi thường xuyên, nguồn lực công này sẽ được tập trung cho đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất.

- Các cơ chế chính sách trong thu hút đầu tư, môi trường sản xuất, kinh doanh đối với đơn vị hành chính thị trấn không có thay đổi bất lợi. Sau khi sáp nhập, mở rộng thị trấn, định danh đô thị - thị trấn thay cho xã sẽ tạo sức hấp dẫn trong kêu gọi thu hút vốn đầu tư, phát triển kinh tế và phát triển đô thị tại khu vực các xã: Minh Dân, Minh Châu. Vì vậy, việc nhập các xã vào thị trấn có tác động tích cực, không ảnh hưởng tới tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút vốn đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực sản xuất.

### 3.2. Tác động hạn chế.

- Nhập các xã vào thị trấn không hình thành cơ chế, chính sách kinh tế bất lợi, tác động xấu đến tiềm năng, nguồn lực phát triển, lực lượng lao động... nên chưa thấy tác động hạn chế tới phát triển kinh tế.

- Đối với các công sở sau khi thực hiện sắp xếp phải có giải pháp khai thác, sử dụng hợp lý theo công năng của công trình, tránh lãng phí.

- Nhu cầu nguồn vốn đầu tư phát triển là nhu cầu cần thiết, tất yếu; là quá trình lâu dài để đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật; không do nguyên nhân từ sắp xếp đơn vị hành chính mà làm phát sinh nhu cầu vốn đầu tư.

## 4. Tác động đến văn hóa, xã hội và cuộc sống nhân dân

### 4.1. Tác động tích cực.

- Nhập các xã vào thị trấn Triệu Sơn theo nguyên trạng diện tích tự nhiên và dân số nên ít làm xáo trộn đến đời sống dân cư, hay làm ảnh hưởng đến các thiết chế và đặc trưng văn hóa địa phương, phong tục tập quán.

- Cùng với hiệu ứng của việc mở rộng thị trấn ra khu vực nông thôn, quá trình phát triển kinh tế, phát triển đô thị sẽ tạo điều kiện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là các công trình giáo dục, y tế, văn hóa ... phục vụ người dân; nên sẽ góp phần tích cực cho phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết việc làm tại địa phương; hình thành lối sống thành thị, văn minh, hiện đại; trình độ dân trí, đời sống tinh thần của nhân dân sẽ được quan tâm và cải thiện.

#### 4.2. Tác động hạn chế.

- Nhập các xã (đơn vị hành chính nông thôn) vào thị trấn (đơn vị hành chính đô thị) nên chất lượng một số chỉ tiêu xã hội của đô thị như tỷ lệ hộ nghèo tăng, tỷ lệ số thôn, cơ quan, gia đình văn hóa giảm.

- Quá trình đô thị hóa, sự gia tăng dân số cơ học sẽ tạo áp lực lên hoạt động giáo dục, y tế, giải quyết việc làm...; các trào lưu văn hóa tiêu cực cũng có điều kiện xâm nhập đến bộ phận người dân, nhất là ở những người trẻ, làm thay đổi lối sống và cách sống; tệ nạn xã hội có điều kiện phát triển.

- Địa chỉ liên lạc của công dân, tổ chức, doanh nghiệp, các giấy tờ cá nhân của công dân ở các xã: Minh Dân, Minh Châu sẽ thay đổi, ảnh hưởng đến liên lạc và giao dịch; từng bước phải được cấp mới, đổi giấy tờ, địa chỉ cho phù hợp, vì vậy cần tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công dân, tổ chức trong việc chuyển đổi các loại giấy, đảm bảo tiết kiệm thời gian, chi phí.

### 5. Tác động đến phát triển đô thị

#### 5.1. Tác động tích cực.

- Nhập các xã: Minh Dân, Minh Châu vào thị trấn Triệu Sơn phù hợp với định hướng phát triển hệ thống đô thị của huyện và của tỉnh; là bước cụ thể hóa Quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị giai đoạn đến năm 2020 và giai đoạn 2021 – 2030.

- Nhập các xã vào thị trấn tạo điều kiện để rà soát, tổ chức hợp lý các khu chức năng, bố trí quỹ đất để phát triển công nghiệp, dịch vụ, khu dân cư, công trình công cộng, khuôn viên, cây xanh, khu vực sinh thái... từ đó có tác động đến việc phân bố lại và hình thành các khu chức năng mới khang trang, hiện đại, tạo ra sự cân đối giữa các khu vực trên địa bàn thị trấn.

#### 5.2. Tác động hạn chế.

- Nhập các xã vào thị trấn nên sẽ làm giảm chất lượng hạ tầng kỹ thuật đô thị, tiêu chí theo quy định của đô thị.

- Phạm vi quy hoạch thị trấn đã được phê duyệt không phù hợp với địa giới hành chính sau khi mở rộng nên việc quản lý đô thị gặp nhiều khó khăn, dẫn đến sự thiếu đồng bộ, không thống nhất trong phát triển đô thị.

### 6. Tác động đến vệ sinh môi trường.

#### 6.1. Tác động tích cực.

Công tác xử lý vệ sinh môi trường ở thị trấn Triệu Sơn và các xã: Minh Dân, Minh Châu cơ bản đáp ứng được yêu cầu của quá trình phát triển đô thị (trong giai đoạn hiện nay). Vì vậy, nhập các xã vào thị trấn ít thấy tác động xấu đến vệ sinh môi trường.

#### 6.2. Tác động hạn chế.

Quá trình đô thị hóa, phát triển công nghiệp, dịch vụ - thương mại làm tăng lượng nước thải, rác thải sinh hoạt; quá trình đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình dân dụng cũng làm tăng lượng rác thải công nghiệp, bụi và tiếng ồn; tăng nguy cơ gây ô nhiễm môi trường của thị trấn nếu không quản lý tốt.

### 7. Tác động về quốc phòng - an ninh.

#### 7.1. Tác động tích cực.

Thị trấn Triệu Sơn là trung tâm huyện lỵ, nên việc ưu tiên nguồn lực, vốn đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị trong những năm qua, đã khẳng định quan điểm, chủ trương của huyện trong việc tập trung phát triển kinh tế gắn với tăng cường bảo đảm quốc phòng - an ninh.

#### 7.2. Tác động hạn chế.

Chưa thấy tác động hạn chế của việc nhập các xã vào thị trấn tới bảo đảm quốc phòng - an ninh.

### 8. Tác động về bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

#### 8.1. Tác động tích cực.

Thị trấn huyện lỵ được xác định là địa bàn trọng điểm về an ninh trật tự, cùng với lực lượng công an huyện đóng trên địa bàn thị trấn và lực lượng công an chính quy sẽ được tăng cường về xã, thị trấn trọng điểm trong thời gian tới nên việc sáp nhập các xã vào thị trấn Triệu Sơn là mở rộng phạm vi đảm bảo an ninh trật tự của địa bàn trọng điểm, qua đó góp phần củng cố, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

#### 8.2. Tác động hạn chế.

Chưa thấy tác động hạn chế của việc nhập các xã vào thị trấn tới đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

## II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

### 1. Giải pháp về tổ chức bộ máy hệ thống chính trị

#### 1.1. Đảng bộ.

Đảng bộ thị trấn thị trấn Triệu Sơn được kiện toàn, sắp xếp trên cơ sở nguyên trạng 03 Đảng bộ hiện nay của thị trấn Triệu Sơn và các xã: Minh Dân, Minh Châu, cụ thể:

- Tổng số đảng viên: 1.115 đảng viên sinh hoạt ở 25 Chi bộ trực thuộc;
- Ban chấp hành Đảng bộ có từ 13 - 15 đồng chí;
- Ban Thường vụ có 05 đồng chí gồm: Bí thư, 02 Phó Bí thư (01 Phó Bí thư chuyên trách và 01 Phó Bí thư phụ trách chính quyền), 02 Ủy viên Ban Thường vụ (Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Phó Chủ tịch HĐND hoặc Phó Chủ tịch UBND)<sup>3</sup>.

### 1.2. Hội đồng nhân dân.

Các đại biểu HĐND thị trấn Triệu Sơn (24 đại biểu) và HĐND các xã: Minh Dân (22 đại biểu), Minh Châu (25 đại biểu) hợp thành HĐND thị trấn Triệu Sơn (71 đại biểu) và hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ 2016 - 2021 theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Luật tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể:

- Tổng số đại biểu HĐND: 71 đại biểu;
- Thường trực HĐND: 02 người, gồm Chủ tịch và 01 Phó Chủ tịch;
- Ban của HĐND: Ban Pháp chế và Kinh tế - xã hội.

### 1.3. Ủy ban nhân dân.

Điều 8 Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ về số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND, quy định trường hợp đơn vị hành chính mới chưa được phân loại thì số lượng tối đa Phó Chủ tịch UBND xác định theo loại đơn vị hành chính cao nhất của các đơn vị hành chính trước khi sáp nhập cho đến khi đơn vị hành chính mới được phân loại.

HĐND thị trấn Triệu Sơn sau khi sắp xếp bầu các thành viên UBND thị trấn nhiệm kỳ 2016 - 2021 gồm:

- Chủ tịch UBND;
- Phó Chủ tịch UBND: 01 người (phân loại lại đạt loại 1 bố trí 02 người);
- Ủy viên UBND: 02 người (phụ trách công an và quân sự).

---

<sup>3</sup> Theo Hướng dẫn số 10-HD/BTCTU ngày 14/10/2014 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Đối với Đảng bộ cấp xã có từ 200 đảng viên trở lên thì Ban Chấp hành có từ 13- 15 đồng chí, Ban Thường vụ có từ 03 – 05 đồng chí.

#### 1.4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội.

Ban Thường Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện hiệp y thống nhất với Đảng ủy thị trấn quyết định thành lập Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị trấn; công nhận danh sách Ủy viên Ủy ban và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị trấn (lâm thời); quy định thời hạn tổ chức đại hội nhưng không quá 03 tháng kể từ khi Ủy ban lâm thời được thành lập. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị trấn (lâm thời) bao gồm 94 thành viên đương nhiệm của thị trấn Triệu Sơn và các xã: Minh Dân, Minh Châu. Tổ chức thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở đơn vị hành chính cũ là thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị trấn Triệu Sơn.

Đối với tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của Điều lệ, hướng dẫn tổ chức chính trị - xã hội.

#### 1.5. Đơn vị sự nghiệp.

##### 1.5.1. Đối với các trường học:

- Tổ chức 09 trường học ở cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn thị trấn sau khi sắp xếp thực hiện trên cơ sở giữ nguyên trạng như hiện nay của các đơn vị để không ảnh hưởng đến cự ly di chuyển của học sinh, đảm bảo chất lượng dạy và học, sử dụng hợp lý, tiết kiệm cơ sở vật chất.

- Trong giai đoạn tiếp theo, nghiên cứu, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh đề án sắp xếp các trường học trên địa bàn thị trấn cho phù hợp với việc sắp xếp các xã và thị trấn.

##### 1.5.2. Đối với các trạm y tế:

Tổ chức 03 trạm y tế trên địa bàn thị trấn sau khi sắp xếp thực hiện trên cơ sở giữ nguyên trạng như hiện nay của các đơn vị. Trong giai đoạn tiếp theo, nghiên cứu, xây dựng phương án sắp xếp lại các trạm y tế, đảm bảo thuận lợi cho nhân dân trong việc khám, chữa bệnh.

#### 1.6. Tổ chức các hội xã hội, hội xã hội nghề nghiệp.

Thực hiện theo quy định của điều lệ, hướng dẫn tổ chức hội xã hội, hội xã hội nghề nghiệp.

## 2. Giải pháp về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách

### 2.1. Bố trí đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

Theo phương án sắp xếp và giải pháp tổ chức bộ máy tổ chức hệ thống chính trị của thị trấn Triệu Sơn sau khi sắp xếp, có 58 cán bộ, công chức cấp xã (29 cán bộ, 29 công chức) bố trí theo giải pháp sắp xếp cán bộ, công chức trong phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh thông qua, cụ thể:

2.1.2. Cán bộ cấp xã: Bố trí 12 người để đảm nhiệm 11 chức vụ:

- Bí thư Đảng ủy: 01 người.
- Phó Bí thư Đảng ủy: 01 người.
- Chủ tịch HĐND: 01 người.
- Phó Chủ tịch HĐND: 01 người.
- Chủ tịch UBND: 01 người.
- Phó Chủ tịch UBND: 02 người.
- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc: 01 người.
- Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: 01 người.
- Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ: 01 người.
- Chủ tịch Hội Nông dân: 01 người.
- Chủ tịch Hội Cựu chiến binh: 01 người.

2.1.2. Công chức cấp xã: Bố trí tối thiểu 29 người để đảm nhiệm 07 chức danh (trên cơ sở nguyên trạng số lượng công chức hiện nay của các xã, thị trấn và chưa bao gồm số lượng cán bộ dôi dư được tiếp nhận vào làm công chức).

2.1.3. Số lượng cán bộ, công chức dôi dư và giải pháp bố trí, sắp xếp:

Sau khi sắp xếp, thị trấn Triệu Sơn phân loại đơn vị hành chính đạt loại 1, đến năm 2025 bố trí đúng số lượng không quá 25 người, dôi dư 33 người.

a) Cán bộ cấp xã: Dôi dư 17 người, dự kiến sắp xếp, bố trí trong giai đoạn 2020 – 2025 như sau:

- Bố trí, sắp xếp đến các đơn vị cấp xã còn thiếu.
- Tiếp nhận, bố trí làm công chức cấp xã;
- Tuyển dụng làm công chức cấp huyện;
- Tuyển dụng làm viên chức ở đơn vị sự nghiệp;

- Nghỉ hưu theo quy định.
- Thực hiện tinh giản (nếu đủ điều kiện và theo nguyện vọng cá nhân).

b) Công chức cấp xã: Dôi dư tối thiểu 16 người, dự kiến sắp xếp, bố trí trong giai đoạn 2020 – 2025 như sau:

- Điều động đến các đơn vị cấp xã còn thiếu.
- Tuyển dụng làm công chức cấp huyện;
- Tuyển dụng làm viên chức ở đơn vị sự nghiệp;
- Nghỉ hưu theo quy định;
- Thực hiện tinh giản (nếu đủ điều kiện và theo nguyện vọng cá nhân).

## 2.2. Số lượng viên chức đơn vị sự nghiệp.

Số lượng viên chức các trường học, trạm y tế trên địa bàn thị trấn Triệu Sơn thực hiện trên cơ sở nguyên trạng số lượng viên chức hiện nay của các đơn vị, gồm 190 người là cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của các trường học và 13 nhân viên của các trạm y tế.

2.3. Số lượng người hoạt động không chuyên trách thị trấn bố trí đúng theo quy định (dự kiến 14 người), dôi dư 35 người.

## 3. Giải pháp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức

Do sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ giữa hai mô hình quản lý (xã – thị trấn) nên sau khi nhập xã vào thị trấn cần phải có giải pháp đào tạo, bồi dưỡng để trang bị kỹ năng, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức của các xã. Cụ thể: (1) Tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ, công chức về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền đô thị; (2) Cán bộ quản lý và công chức địa chính – xây dựng bồi dưỡng thêm các nội dung chuyên sâu về quản lý quy hoạch, đô thị, cơ sở hạ tầng, trật tự xây dựng, kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị, quản lý dân cư; (3) Công chức phụ trách công tác nông nghiệp và phát triển nông thôn (đại học chuyên ngành thú y) cử đi đào tạo chuyên ngành về xây dựng, đô thị hoặc môi trường để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ tại thị trấn; (4) Đại biểu HĐND mở lớp bồi dưỡng kiến thức về chức năng, nhiệm vụ của HĐND thị trấn, các chuyên đề về đô thị, xây dựng, để phát huy tốt hơn nữa vai trò giám sát của HĐND và đại biểu HĐND; (5) Đối với Chỉ huy trưởng quân sự (trình độ trung cấp quân sự cơ sở) cần đào tạo chuyên ngành phù hợp với chức danh công chức khác, làm cơ sở bố trí, sắp xếp.



#### **4. Giải pháp về sử dụng cơ sở vật chất, công sở, trụ sở làm việc**

##### **4.1. Công sở thị trấn Triệu Sơn.**

- Sử dụng công sở của thị trấn Triệu Sơn: Quy mô 1.200 m<sup>2</sup>, 3 tầng kiên cố được xây dựng năm 2018.

- Đối với công sở các xã: Minh Dân, Minh Châu xem xét sử dụng cho phù hợp phục vụ hoạt động tập thể của nhân dân, bố trí cho các cơ quan, tổ chức nhà nước còn khó khăn về nơi làm việc để tránh lãng phí.

4.2. Các trường học, trạm y tế thị trấn sử dụng nguyên trạng các công trình hiện nay của các đơn vị.

#### **5. Giải pháp chuyển đổi một số giấy tờ cơ bản của công dân**

Tổng hợp từ các văn bản pháp luật, mỗi công dân có thể có các loại giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh nhân thân, quyền sở hữu, quyền sử dụng gồm những loại cơ bản như chứng minh nhân dân (thẻ căn cước công dân), hộ chiếu quốc gia, giấy khai sinh, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký kinh doanh và các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật.

Đối chiếu các quy định của pháp luật có liên quan đến việc quy định các giấy tờ của công dân như trên chỉ có sổ hộ khẩu cần phải điều chỉnh khi thay đổi địa giới đơn vị hành chính theo Điều 12 Thông tư 35/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 của Bộ Công an. Cụ thể: Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thay đổi địa giới hành chính, đơn vị hành chính, đường phố, số nhà thì cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm thông báo để công dân đến làm thủ tục điều chỉnh trong sổ hộ khẩu. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có thông báo của cơ quan đăng ký cư trú, công dân có trách nhiệm đến để làm thủ tục điều chỉnh trong sổ hộ khẩu.

Để tạo điều kiện cho người dân thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan, UBND thị trấn Triệu Sơn phối hợp với cơ quan công an và đơn vị có liên quan lập kế hoạch tiến hành thực hiện chuyển đổi giấy tờ cho người dân; phân công người phụ trách địa bàn, lịch làm việc với công dân theo từng thôn, tổ dân phố; trong đó ưu tiên thực hiện đối với những trường hợp người dân có nhu cầu chuyển đổi ngay, cấp bách.

Đối với các loại giấy tờ còn lại, UBND thị trấn có thông báo, hướng dẫn để người dân nếu có nhu cầu chuyển đổi đến làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

## **6. Giải pháp về phát triển đô thị, bảo vệ môi trường**

Tổ chức lập, thẩm định, trình phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Triệu Sơn theo địa giới hành chính sau khi sắp xếp, tạo tiền đề cho quản lý, phát triển đô thị; rà soát, đánh giá hiện trạng phát triển theo tiêu chuẩn của đô thị loại V và đầu tư những tiêu chuẩn, tiêu chí chưa đạt để nâng cao chất lượng đô thị; tranh thủ sự hỗ trợ của trung ương, tỉnh và các nguồn vốn khác để đầu tư hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông kết nối giữa các khu vực của thị trấn.

Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư; bố trí kinh phí thực hiện bảo vệ môi trường, đặc biệt xử lý nước thải, chất thải; thực hiện nghiêm chỉnh công tác giám sát, kiểm tra môi trường và luật bảo vệ môi trường.

## **7. Giải pháp về ngân sách, vốn đầu tư**

Nhu cầu nguồn vốn đầu tư để phát triển thị trấn Triệu Sơn là nhu cầu cần thiết, tất yếu và là quá trình lâu dài để đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, du lịch dịch vụ; không do nguyên nhân từ thành lập thị trấn mà làm phát sinh nhu cầu vốn đầu tư. Trong thời gian tới, địa phương sẽ tranh thủ mọi sự hỗ trợ của trung ương, tỉnh và các nguồn vốn khác để đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật giao thông, các dự án, công trình trọng điểm, khu đô thị...

## **8. Kế hoạch, lộ trình thực hiện nhập các xã: Minh Dân, Minh Châu vào thị trấn Triệu Sơn**

Sau khi hoàn chỉnh Đề án, lộ trình thực hiện nhập các xã: Minh Dân, Minh Châu vào thị trấn Triệu Sơn thực hiện theo Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 13/3/2019 của UBND tỉnh về việc sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

### **8.1. Tổ chức lấy ý kiến cử tri.**

UBND các xã, thị trấn chỉ đạo, hướng dẫn các thôn, phố lấy ý kiến cử tri.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 31/5/2019.

### **8.2. HĐND các xã, thị trấn và HĐND huyện thông qua Đề án.**

#### **8.2.1. Họp HĐND cấp xã:**

Trên cơ sở kết quả lấy ý kiến cử tri, UBND các xã, thị trấn trình HĐND cùng cấp xem xét, thông qua Đề án.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 05/6/2019.

8.2.2. Sau khi HĐND các xã, thị trấn thông qua Đề án, UBND huyện trình HĐND huyện xem xét.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 10/6/2019.

8.3. Báo cáo UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và HĐND tỉnh.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 30/6/2019.

8.4. Báo cáo Bộ Nội vụ thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thời gian thực hiện: Tháng 8, 9, 10/2019.

8.5. Công bố Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị.

Chậm nhất không quá 30 ngày, sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tiến hành tổ chức lễ công bố Nghị quyết; kiện toàn, sắp xếp xong tổ chức bộ máy các cơ quan của thị trấn.

Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/12/2019.

## **Phần V**

### **KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

Nhập các xã: Minh Dân, Minh Châu vào thị trấn Triệu Sơn là phù hợp với yêu cầu sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính, góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của tổ chức chính trị ở cơ sở; đáp ứng yêu cầu của quá trình đô thị hóa, phát triển kinh tế - xã hội, phát huy tiềm năng, tạo động lực để xây dựng và phát triển thị trấn Triệu Sơn./.

**UBND HUYỆN TRIỆU SƠN**